

Bản án số: 57/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 11-6-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Mến

Ông Nguyễn Ngọc Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Minh Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: không.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2025/TLST-HNGĐ ngày 21-4-2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-5-2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27-5-2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị B, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Á, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh La Hoàng C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Á, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị B trình bày:* Chị và anh La Hoàng C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29-12-2014 tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hoà giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị B xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh La Hoàng C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là La Hoàng Â, sinh ngày 22-5-2016 và La Đăng K, sinh ngày 03-7-2022. Hiện cháu Â đang ở cùng anh C và cháu K đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Â, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh La Hoàng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến thể hiện trong hồ sơ vụ án.

- Qua xác nhận của UBND xã M, huyện L: Chị Lý Thị B và anh La Hoàng C có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái ngày 26-8-2011. Sau khi kết hôn, thì chị B và anh C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, hiện chị B và anh C đã ly thân. Chị B và anh C có hai con chung là La Hoàng Â, sinh ngày 22-5-2016 và La Đăng K, sinh ngày 03-7-2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn anh La Hoàng C có nơi cư trú tại xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, chị B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lý Thị B và anh La Hoàng C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái ngày 29-12-2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị B và anh C chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Từ thực tế cuộc sống hôn nhân cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B, cho chị B được ly hôn anh C.

[3] Về con chung: Chị B và anh C có hai con chung là La Hoàng Â, sinh ngày 22-5-2016 và La Đăng K, sinh ngày 03-7-2022. Cháu La Hoàng Â đang ở với

anh C và có nguyện vọng được ở với bố, cháu La Đăng K còn nhỏ và đang được chị B nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền, lợi ích, nguyện vọng và sự ổn định cuộc sống của các con giao cháu La Đăng K cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu La Hoàng A cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B và anh C đều không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Lý Thị B được ly hôn anh La Hoàng C.

2. Về con chung: Giao con chung là La Đăng K, sinh ngày 03-7-2022 cho chị Lý Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Giao con chung là La Hoàng A, sinh ngày 22-5-2016 cho anh La Hoàng C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Chị B và anh C không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lý Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai số: AA/2024/0002349 ngày 21-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị B đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- UBND xã Minh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao

